|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 1709 /QĐ-BKHĐT | *Hà Nội, ngày 05 tháng 8 năm 2024* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Phương án Điều tra giá nguyên liệu, nhiên liệu,**

**vật liệu dùng cho sản xuất**

**BỘ TRƯỞNG BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**

*Căn cứ Luật Thống kê ngày 23 tháng 11 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê ngày 12 tháng 11 năm 2021;*

*Căn cứ Nghị định số 94/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê;*

*Căn cứ Nghị định số 94/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;*

*Căn cứ Nghị định số 62/2024/NĐ-CP ngày 07 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều, phụ lục của Nghị định số 94/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê và Nghị định số 94/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;*

*Căn cứ Nghị định số 89/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;*

*Căn cứ Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg ngày 18 tháng 3 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thống kê thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư;*

*Căn cứ Quyết định số 03/2023/QĐ-TTg ngày 15 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình điều tra thống kê quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 143/QĐ-BKHĐT ngày 20 tháng 02 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ủy quyền cho Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê ký quyết định ban hành phương án điều tra thống kê được phân công trong Chương trình điều tra thống kê quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 1345/QĐ-BKHĐT ngày 11 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành Kế hoạch điều tra thống kê năm 2025 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư do Tổng cục Thống kê chủ trì thực hiện;*

*Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Phương án Điều tra giá nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu dùng cho sản xuất thực hiện từ năm 2025. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 2.** Giao Tổng cục Thống kê xây dựng kế hoạch thực hiện chi tiết; thiết kế mẫu và phiếu điều tra; xây dựng các loại danh mục mặt hàng điều tra, phương pháp tổng hợp chỉ số giá; chỉ đạo tổ chức và hướng dẫn thực hiện cuộc điều tra theo đúng quy định của Phương án điều tra.

**Điều 3**. Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê, Chánh Văn phòng Bộ và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như Điều 3;- Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư (để báo cáo);- Văn phòng Bộ;- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (để phối hợp);- Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;- Lưu: VT, TCTK(10b). | **TUQ. BỘ TRƯỞNG****TỔNG CỤC TRƯỞNG** **TỔNG CỤC THỐNG KÊ****(Đã ký)** **Nguyễn Thị Hương** |

|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**PHƯƠNG ÁN**

**ĐIỀU TRA GIÁ NGUYÊN LIỆU, NHIÊN LIỆU, VẬT LIỆU**

**DÙNG CHO SẢN XUẤT**

*(Kèm theo Quyết định số 1709 /QĐ-BKHĐT ngày 5 tháng 8 năm 2024*

*của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)*

**I. MỤC ĐÍCH VÀ YÊU CẦU ĐIỀU TRA**

**1. Mục đích điều tra**

Điều tra giá nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu dùng cho sản xuất (viết gọn là Điều tra giá NNVL) được thực hiện nhằm các mục đích sau:

- Biên soạn chỉ tiêu chỉ số giá nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu dùng cho sản xuất (viết gọn là chỉ số giá NNVL) thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia. Bảo đảm thông tin phục vụ công tác điều hành, quản lý, xây dựng kế hoạch phát triển sản xuất, kế hoạch nhập khẩu vật tư, nhiên liệu, phát triển công nghiệp phụ trợ, vùng nguyên liệu và biên soạn một số chỉ tiêu thống kê tổng hợp theo giá so sánh;

- Là cơ sở để ngành Thống kê tính giá trị tăng thêm theo phương pháp giảm phát hai lần rút gọn theo ngành kinh tế;

- Đáp ứng nhu cầu thông tin về biến động giá nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu (NNVL) dùng cho sản xuất giúp các nhà cung cấp NNVL phân tích kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, tính toán hiệu quả kinh tế, ký kết hợp đồng.

**2. Yêu cầu điều tra**

Điều tra giá NNVL phải bảo đảm các yêu cầu sau:

 - Công tác tổ chức, thu thập thông tin, xử lý số liệu, tổng hợp và lưu giữ thông tin điều tra phải thực hiện nghiêm túc, theo đúng quy định của Phương án điều tra;

- Bảo đảm thu thập đầy đủ, chính xác, kịp thời, đúng đơn vị điều tra, đúng mặt hàng điều tra và các thông tin quy định trong Phương án điều tra;

- Bảo mật thông tin thu thập từ các đối tượng điều tra theo quy định của Luật Thống kê;

- Quản lý và sử dụng kinh phí của cuộc điều tra đúng chế độ hiện hành, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả;

- Kết quả điều tra phải đáp ứng yêu cầu của người dùng tin trong và ngoài nước, bảo đảm tính so sánh quốc tế.

**II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG, ĐƠN VỊ ĐIỀU TRA**

**1. Phạm vi điều tra**

Điều tra giá NNVL được tiến hành trên phạm vi 38 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (viết gọn là tỉnh, thành phố).

**2. Đối tượng điều tra**

Các mặt hàng NNVL đại diện dùng cho sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản (NLTS); công nghiệp chế biến, chế tạo (CNCBCT) và xây dựng.

*Danh mục mặt hàng quy định tại Phụ lục I.*

**3. Đơn vị điều tra**

Đơn vị điều tra giá NNVL bao gồm:

- Các cơ sở sản xuất (doanh nghiệp, nhà máy, xí nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể...) ngành CNCBCT.

- Các cửa hàng vật tư, các cơ sở sản xuất kinh doanh bán các mặt hàng NNVL đầu vào cho sản xuất NLTS, xây dựng.

**III. LOẠI ĐIỀU TRA**

Điều tra giá NNVL là cuộc điều tra chọn mẫu. Quy mô mẫu được phân bổ đảm bảo mức độ đại diện của chỉ số giá NNVL đến ngành kinh tế cấp 2 cho cả nước và vùng kinh tế - xã hội. Mẫu được thiết kế theo phương pháp phân tầng; mỗi tỉnh, thành phố là một tầng chọn mẫu cấp 1; ngành kinh tế cấp 2 trong tỉnh, thành phố là tầng chọn mẫu cấp 2.

Tổng cục Thống kê thực hiện thiết kế, chọn mẫu, hướng dẫn việc rà soát, cập nhật và thay thế đơn vị, mặt hàng điều tra.

**IV. THỜI ĐIỂM, THỜI GIAN VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU TRA**

**1. Thời điểm điều tra**

Thời điểm điều tra giá NNVL: Ngày 05 hằng tháng.

Đối với những đơn vị điều tra không bán/mua mặt hàng NNVL đúng ngày điều tra, lấy giá bán/mua của ngày gần nhất trước hoặc sau ngày 05 của tháng điều tra nhưng không muộn hơn ngày 12 hằng tháng.

**2. Thời gian điều tra**

Thời gian điều tra: Từ ngày 05-12 hằng tháng.

**3. Phương pháp điều tra**

Điều tra giá NNVL áp dụng phương pháp điều tra gián tiếp và điều tra trực tiếp.

*- Điều tra gián tiếp*: Áp dụng đối với các cơ sở sản xuất ngành CNCBCT. Cơ sở cung cấp thông tin về giá mua NNVL trên phiếu điều tra giấy, điều tra viên (ĐTV) có trách nhiệm gửi phiếu điều tra giấy cho cơ sở, hướng dẫn cơ sở thực hiện cung cấp thông tin và kiểm tra, nghiệm thu phiếu điều tra của các cơ sở được phân công thực hiện.

- *Điều tra trực tiếp*: Áp dụng đối với các cửa hàng vật tư, các cơ sở sản xuất kinh doanh bán NNVL đầu vào cho sản xuất NLTS và xây dựng. ĐTV đến từng cơ sở gặp người cung cấp thông tin (chủ cơ sở) để phỏng vấn, kết hợp quan sát để ghi thông tin vào phiếu điều tra giấy.

**V. NỘI DUNG, PHIẾU ĐIỀU TRA**

**1. Nội dung điều tra**

Nội dung Điều tra giá NNVL bao gồm :

**-** Thông tin định danh của đơn vị điều tra

- Thông tin về giá của mặt hàng NNVL: Tên mặt hàng; quy cách, phẩm cấp chi tiết của mặt hàng; nguồn gốc nhập khẩu; đơn vị tính khối lượng mặt hàng quan sát; khối lượng mặt hàng quan sát và đơn giá mặt hàng quan sát.

**2. Phiếu điều tra**

Điều tra giá NNVL sử dụng 03 loại phiếu điều tra để thu thập các thông tin theo nội dung trên:

- Phiếu số 1.1/ĐTG.NNVL-NN: Phiếu thu thập thông tin giá NNVL dùng cho sản xuất NLTS;

- Phiếu số 1.2/ĐTG.NNVL-CN: Phiếu thu thập thông tin giá NNVL dùng cho sản xuất CNCBCT;

- Phiếu số 1.3/ĐTG.NNVL-XD: Phiếu thu thập thông tin giá NNVL dùng cho xây dựng.

**VI. PHÂN LOẠI THỐNG KÊ SỬ DỤNG TRONG ĐIỀU TRA**

1. Danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam ban hành theo Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg ngày 08 tháng 7 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ, cập nhật đến thời điểm điều tra.

2. Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam ban hành theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam ban hành theo Quyết định số 43/2018/QĐ-TTg ngày 01/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

**VII. QUY TRÌNH XỬ LÝ VÀ BIỂU ĐẦU RA CỦA ĐIỀU TRA**

**1. Quy trình xử lý thông tin**

 ***a) Kiểm tra, nghiệm thu phiếu điều tra***

 Sau khi nhận phiếu điều tra từ ĐTV, giám sát viên (GSV) thực hiện kiểm tra, nghiệm thu trước khi nhập tin, trong đó cần lưu ý kiểm tra các nội dung sau:

 - Kiểm tra tính phù hợp của giá thu thập (không bao gồm thuế VAT, nhưng có chi phí vận tải, bốc dỡ - nếu có); Kiểm tra tính phù hợp của đơn vị tính của mặt hàng quan sát bảo đảm tương ứng với quy cách quan sát của mặt hàng và quy đổi được về đơn vị tính đúng với quy định theo danh mục mặt hàng điều tra.

- Xử lý giá các trường hợp đặc biệt bằng các phương pháp phù hợp, theo quy định.

***b) Nhập tin***

Việc nhập tin phiếu điều tra được thực hiện trên phần mềm do Tổng cục Thống kê xây dựng. Sau khi nhập thông tin, cần kiểm tra bằng công thức tính tương ứng của giá quan sát và khối lượng, đơn vị quan sát để quy đổi về giá chuẩn.

***c) Tính hệ số chuyển đổi K***

K là hệ số chuyển đổi năm gốc cũ so với năm gốc mới, K được tính như sau:

 K = I1/I2

I1: Chỉ số giá NNVL quý gối đầu so với năm gốc cũ.

I2: Chỉ số giá NNVL quý gối đầu so với năm gốc mới.

Công thức tính chỉ số giá năm gốc mới về năm gốc cũ được nối chuỗi theo công thức sau:

 ****

Trong đó:

 là chỉ số giá nhóm mặt hàng d kỳ t so với năm gốc cũ;

 là chỉ số giá nhóm mặt hàng d kỳ t so với năm gốc mới.

Hệ số chuyển đổi K cho phép chuyển đổi chuỗi số liệu chỉ số giá NNVL theo năm gốc mới về năm gốc cũ và ngược lại theo năm gốc cũ về năm gốc mới, từ đó tính toán chỉ số giá NNVL theo các gốc so sánh.

***d) Công thức áp dụng tính chỉ số giá NNVL***

Công thức Laspeyres bình quân nhân được sử dụng trong tổng hợp chỉ số giá NNVL, cụ thể như sau:

  (1)

Trong đó:

 : Chỉ số giá NNVL kỳ báo cáo (t) so với kỳ gốc cố định (0);

 : Giá NNVL kỳ báo cáo (t);

 : Giá NNVL kỳ gốc (0);

 n : Số mặt hàng;

 : Quyền số cố định kỳ gốc (0).

Tổng cục Thống kê hướng dẫn chi tiết phương pháp tính chỉ số giá NNVL cấp tỉnh, vùng và cả nước.

***đ) Cấu trúc chỉ số giá NNVL****: Quy định tại Phụ lục II*

***e) Bảng giá kỳ gốc năm 2014; quyền số;*** Tổng cục Thống kê hướng dẫn thực hiện.

**2. Biểu đầu ra của điều tra**

Kết quả Điều tra giá NNVL được tổng hợp theo hệ thống biểu đầu ra do Tổng cục Thống kê thiết kế đảm bảo tổng hợp các chỉ tiêu thống kê theo yêu cầu, mục đích điều tra.

**VIII. KẾ HOẠCH TIẾN HÀNH ĐIỀU TRA**

Điều tra giá NNVL thực hiện theo kế hoạch sau:

| **STT** | **Nội dung công việc** | **Thời gian thực hiện** |
| --- | --- | --- |
| 1 | Xây dựng phương án điều tra | Tháng 5 - 7/2024 |
| 2 | Xây dựng phiếu điều tra | Tháng 6 - 7/2024 |
| 3 | Xây dựng quy trình tổng hợp chỉ số giá | Tháng 6 - 7/2024 |
| 4 | Xây dựng cấu trúc chỉ số giá NNVL | Tháng 7 - 8/2024 |
| 5 | Thiết kế và chọn mẫu, lập danh mục mặt hàng điều tra | Tháng 8 - 10/2024 |
| 6 | Xây dựng/cập nhật các loại phần mềm | Tháng 8 - 11/2024 |
| 7 | Xây dựng các loại tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ và phần mềm điều tra | Trước tháng 01 năm điều tra |
| 8 | Rà soát Danh mục mặt hàng và đơn vị điều tra (nếu có) | Trước tháng 01 năm điều tra |
| 9 | Tính/cập nhật quyền số  | Trước tháng 01 năm điều tra |
| 10 | In tài liệu (nếu có) | Trước tháng 01 năm điều tra |
| 11 | Tập huấn cấp trung ương và cấp tỉnh (nếu có) | Trước tháng 01 năm điều tra |
| 12 | Thu thập thông tin | Hằng tháng |
| 13 | Kiểm tra, duyệt dữ liệu | Hằng tháng |
| 14 | Tổng hợp kết quả đầu ra | Hằng quý |
| 15 | Chuẩn bị nội dung phục vụ công bố chỉ số giá | Hằng quý |

**IX. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1. Công tác chuẩn bị**

***a)* *Chọn mẫu, cập nhật danh sách đơn vị điều tra và lập Danh mục mặt hàng điều tra.***

Tổng cục Thống kê chủ trì thực hiện công tác thiết kế, chọn mẫu; hướng dẫn rà soát, cập nhật đơn vị điều tra phục vụ công tác thu thập thông tin.

***b) Tuyển chọn lực lượng tham gia điều tra***

- ĐTV của cuộc điều tra được tuyển chọn phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương, bảo đảm tiến độ và yêu cầu về chất lượng thông tin thu thập.

- GSV là lực lượng thực hiện công việc giám sát; hỗ trợ chuyên môn cho GSV cấp dưới (nếu có) và các ĐTV trong quá trình điều tra thực địa. GSV có 02 cấp: cấp trung ương, cấp tỉnh.

***c) Công tác tập huấn***

- Cấp trung ương, thành phần tham gia tập huấn bao gồm: GSV cấp trung ương, công chức của các đơn vị thuộc Tổng cục Thống kê; lãnh đạo Cục Thống kê tỉnh, thành phố và giảng viên cấp tỉnh trong năm thay đổi Phương án điều tra và những năm có nội dung nghiệp vụ mới cần quán triệt. Thời gian tổ chức hội nghị là 01 ngày.

- Cấp tỉnh, thành phần tập huấn bao gồm: ĐTV, GSV và công chức cơ quan thống kê cấp tỉnh. Thời gian tập huấn là 01 ngày.

Hằng năm, khi có sự thay đổi về GSV, ĐTV hoặc nghiệp vụ bổ sung đơn vị được giao chủ trì thực hiện điều tra căn cứ tình hình thực tế, chủ động tổ chức tập huấn cho đội ngũ GSV, ĐTV mới bảo đảm chất lượng của GSV, ĐTV tham gia điều tra.

***d) Tài liệu điều tra:*** Tài liệu điều tra bao gồm các tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ và hướng dẫn sử dụng phần mềm do Tổng cục Thống kê biên soạn.

***đ) Chương trình phần mềm***

Chương trình phần mềm sử dụng trong điều tra bao gồm: Chương trình phần mềm nhập tin, chương trình phần mềm phục vụ giám sát, kiểm tra, làm sạch và tổng hợp số liệu …

**2. Công tác thu thập thông tin**

Tổng cục Thống kêchỉ đạo thực hiện công tác thu thập thông tin bảo đảm tiến độ và chất lượng thông tin thu thập.

**3. Công tác kiểm tra, giám sát**

Nhằm bảo đảm chất lượng của cuộc điều tra, công tác kiểm tra, giám sát được thực hiện ở tất cả các khâu của cuộc điều tra.

Nội dung kiểm tra, giám sát bao gồm: Kiểm tra, giám sát việc tổ chức các lớp tập huấn, thu thập thông tin của đơn vị điều tra, số lượng và chất lượng thông tin do đơn vị cung cấp,...

Hình thức kiểm tra, giám sát: Tùy theo tình hình thực tế, đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát chủ động lựa chọn hình thức kiểm tra, giám sát trực tiếp hoặc gián tiếp đối công tác tập huấn, công tác thu thập thông tin tại địa bàn và trên Trang thông tin điện tử của cuộc điều tra.

Để bảo đảm chất lượng thông tin thu thập, công tác kiểm tra giám sát chất lượng phiếu điều tra được thực hiện ngay trong quá trình thu thập thông tin, GSV thường xuyên trao đổi, hỗ trợ ĐTV để xử lý kịp thời các tình huống phát sinh trong thực tiễn.

**4. Nghiệm thu và xử lý thông tin**

***a) Nghiệm thu phiếu điều tra***

- Cơ quan thống kê cấp tỉnh kiểm tra và nghiệm thu dữ liệu điều tra trên phạm vi tỉnh, thành phố.

- Cơ quan thống kê trung ương kiểm tra và nghiệm thu dữ liệu điều tra cấp tỉnh.

***b) Xử lý thông tin***

Tổng cục Thống kê chỉ đạo, phân công các đơn vị trực thuộc thực hiện kiểm tra, làm sạch và hoàn thiện cơ sở dữ liệu điều tra phục vụ tổng hợp và phân tích kết quả điều tra.

**X. KINH PHÍ VÀ CÁC ĐIỀU KIỆN VẬT CHẤT CHO ĐIỀU TRA**

Kinh phí Điều tra giá NNVL do Ngân sách nhà nước bảo đảm cho các hoạt động quy định trong Phương án này. Việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí từ Ngân sách nhà nước được thực hiện theo Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc Điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia; Thông tư số 37/2022/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Bộ Tài chính quy định về sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 3 và Mẫu số 01 kèm theo Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc Điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia và các quy định có liên quan.

Tổng cục Thống kê có trách nhiệm hướng dẫn việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí điều tra theo đúng quy định.

Trong phạm vi dự toán được giao, Thủ trưởng các đơn vị được giao nhiệm vụ chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện tốt cuộc Điều tra giá NNVL theo đúng nội dung của Phương án điều tra, văn bản hướng dẫn của Tổng cục Thống kê và các chế độ tài chính hiện hành.

Các điều kiện vật chất khác: Sử dụng cơ sở hạ tầng sẵn có của ngành thống kê./.